

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 22/01/2022

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Như Anh	Nữ	06/11/1982	Nghệ An	5.3	7.5	137/QĐ33/2022	TH002874	
2	Hồ Trọng Chắt	Nam	15/12/1978	Nghệ An	7.0	7.5	138/QĐ33/2022	TH002875	
3	Nguyễn Thị Anh Đào	Nữ	27/11/1994	Nghệ An	6.3	8.5	139/QĐ33/2022	TH002876	
4	Đỗ Thị Hằng	Nữ	05/01/1997	Hải Phòng	7.7	9.0	140/QĐ33/2022	TH002877	
5	Lê Hồng Hạnh	Nữ	18/9/1997	Nghệ An	7.3	8.5	141/QĐ33/2022	TH002878	
6	Nguyễn Văn Hào	Nam	25/9/1972	Nghệ An	6.3	6.0	142/QĐ33/2022	TH002879	
7	Trần Thị Hồng	Nữ	10/5/1982	Nghệ An	6.7	7.0	143/QĐ33/2022	TH002880	
8	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	07/02/1986	Nghệ An	7.0	8.5	144/QĐ33/2022	TH002881	
9	Nguyễn Thị Thương	Nữ	13/02/2003	Hà Tĩnh	6.7	6.0	145/QĐ33/2022	TH002882	
10	Nguyễn Công Lương	Nam	29/5/1980	Nghệ An	6.7	9.0	146/QĐ33/2022	TH002883	
11	Hoàng Thị Ngân	Nữ	28/12/2000	Nghệ An	6.0	8.5	147/QĐ33/2022	TH002884	
12	Nguyễn Đình Ngọc	Nam	30/4/1997	Nghệ An	6.7	9.0	148/QĐ33/2022	TH002885	
13	Đinh Thị Hồng Ngọc	Nữ	27/02/1997	Nghệ An	6.3	9.0	149/QĐ33/2022	TH002886	
14	Trần Thị Hồng Sương	Nữ	20/8/1993	Quảng Bình	6.7	6.5	150/QĐ33/2022	TH002887	
15	Nguyễn Văn Thái	Nam	04/3/1982	Nghệ An	5.7	5.0	151/QĐ33/2022	TH002888	
16	Sầm Văn Thao	Nam	06/7/1990	Nghệ An	6.7	7.0	152/QĐ33/2022	TH002889	
17	Phạm Thị Thúy	Nữ	02/7/1981	Nghệ An	5.7	6.0	153/QĐ33/2022	TH002890	
18	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	16/10/1997	Nghệ An	6.3	8.5	154/QĐ33/2022	TH002891	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			

